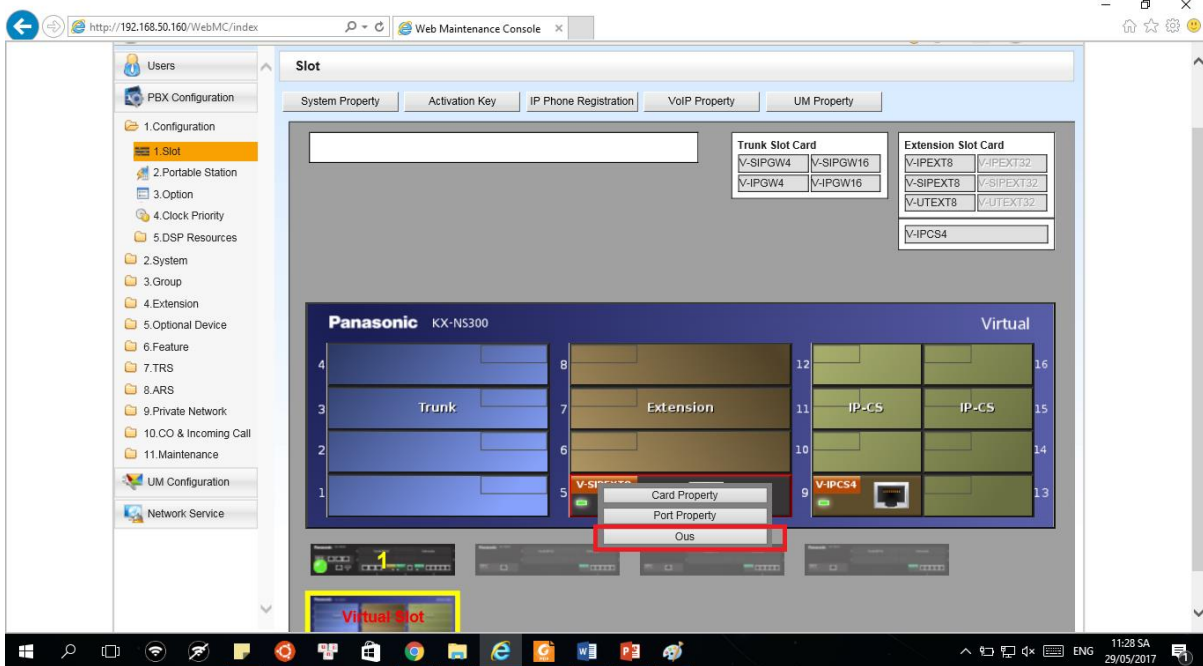
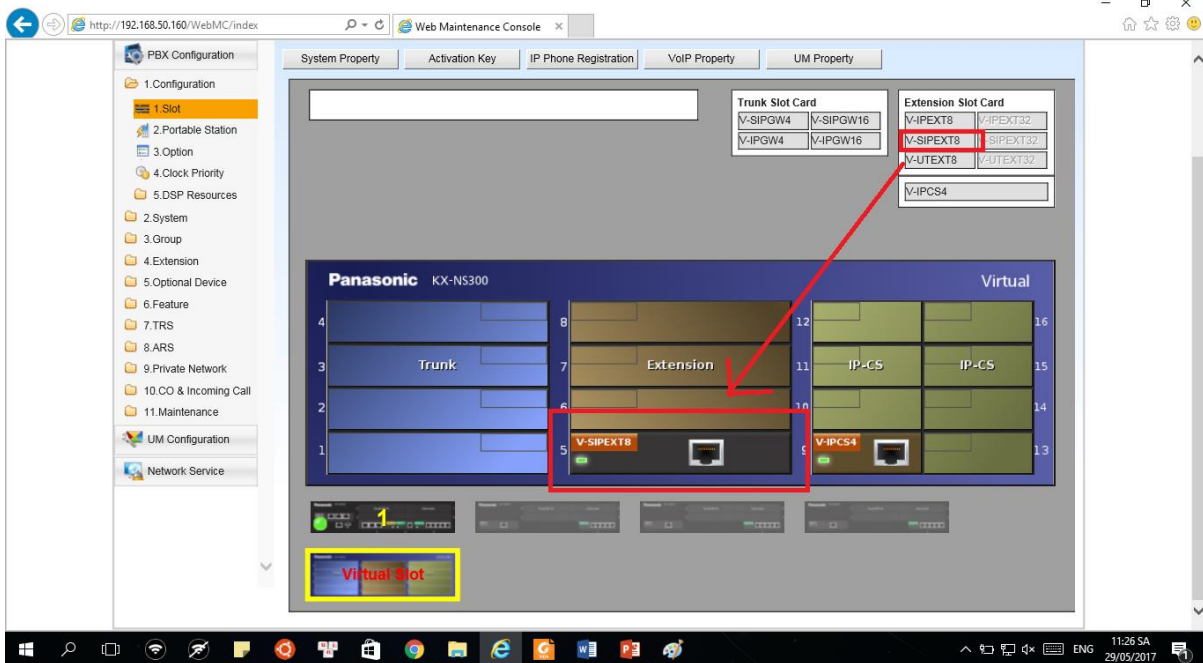


## HƯỚNG DẪN CẤU HÌNH ĐĂNG KÝ ĐIỆN THOẠI KX-HDV VÀO TỔNG ĐÀI KX-NS300

**Tạo số nội bộ trên tổng đài:**

Ví dụ ở đây, ta tạo 1 số nội bộ là 132 và mật khẩu là 1234



**Slot Configuration**

System Property | Activation Key | IP Phone Registration | VoIP Property | UM Property

**Trunk Slot Card**

V-SIPGW4	V-SIPGW16
V-IPGW4	V-IPGW16

**Extension Slot Card**

V-IPEXT8	V-IPEXT32
V-SIPEXT8	V-SIPEXT32
V-UTEXT8	V-UTEXT32
V-IPCS4	

**Virtual Slot**

4	8	12	16
3	7	11	15
2	6	10	14
1	5	9	13

Card Property | Port Property | Ins | Delete

**Port Property - Virtual SIP Extension**

Copy to

Main | Option | Remote Place | FAX/T.38

No.	Shelf	Slot	Port	Extension Number	Password	Connection	Current IP Address	P2P Group	P2P Group Name
1	Virtual	5	1	132	1234	OUS	0.0.0.0	1	
2	Virtual	5	2	122		OUS	0.0.0.0	1	
3	Virtual	5	3	123		OUS	0.0.0.0	1	
4	Virtual	5	4	124		OUS	0.0.0.0	1	
5	Virtual	5	5	125		OUS	0.0.0.0	1	
6	Virtual	5	6	126		OUS	0.0.0.0	1	
7	Virtual	5	7	127		OUS	0.0.0.0	1	
8	Virtual	5	8	128		OUS	0.0.0.0	1	

Page 1 of 1 | 20 | View 1-8 of 8

OK | Cancel | Apply

### Cấu hình trên điện thoại:

Reset điện thoại:

Menu -> System Settings -> #136 -> Yes -> OK

Điện thoại KX-HDV có thể cài chế độ nhận IP động hoặc IP tĩnh. Sau khi reset, điện thoại nhận IP động (DHCP)

Khi cần cấu hình điện thoại KX-HDV ta cần biết địa chỉ IP của điện thoại, và mở quyền login qua IP.

Để xem IP của điện thoại:

Menu -> System Settings -> Status -> IPv4 Setting

Để mở chức năng truy cập qua IP:

Menu -> System Settings -> #534 -> On -> OK

Hoặc:

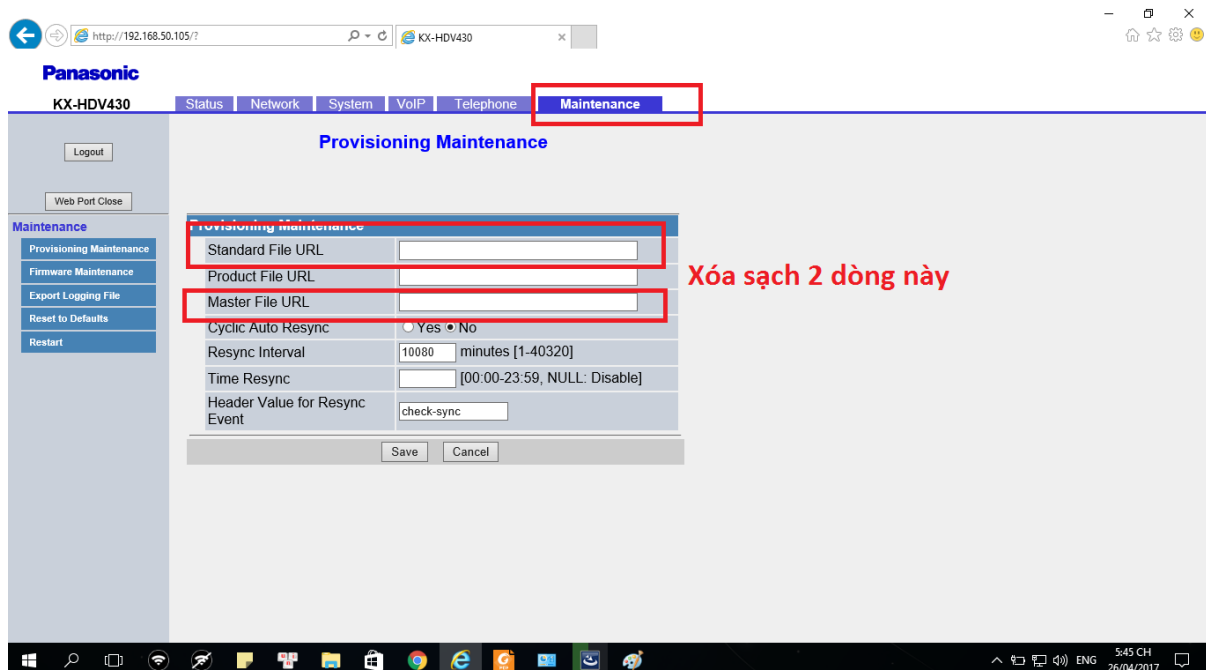
Menu -> Basic Settings -> Other Option -> Embedded Web -> On -> OK

Tiếp theo ta dùng IP của điện thoại login vào web:

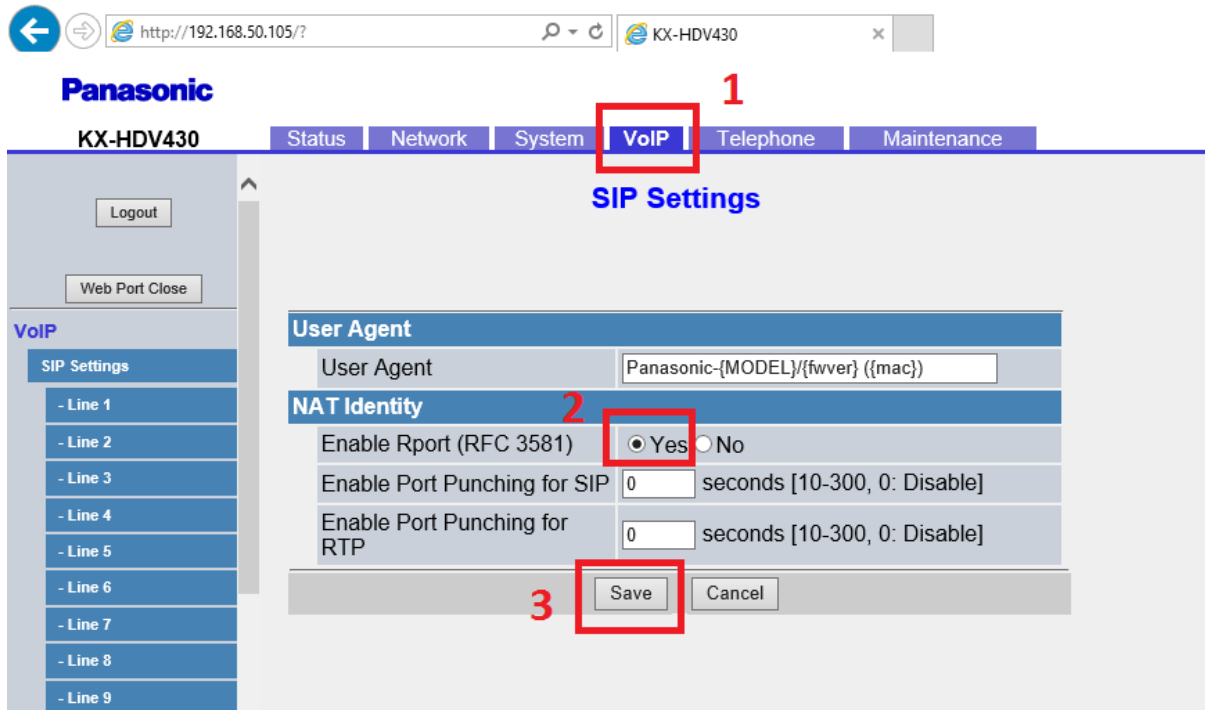
Username: admin (mặc định)

Password: adminpass (mặc định)

Sau khi login vào tổng đài:



The screenshot shows the Panasonic KX-HDV430 web interface. The browser address bar displays 'http://192.168.50.105/?' and the page title is 'KX-HDV430'. The navigation menu includes 'Status', 'Network', 'System', 'VoIP', 'Telephone', and 'Maintenance'. The 'Maintenance' tab is selected, showing the 'Provisioning Maintenance' configuration page. The page contains several input fields and checkboxes: 'Standard File URL', 'Product File URL', 'Master File URL', 'Cyclic Auto Resync' (radio buttons for Yes/No), 'Resync Interval' (10080 minutes), 'Time Resync' ([00:00-23:59, NULL: Disable]), and 'Header Value for Resync Event' (check-sync). A red box highlights the three URL fields, with a red arrow pointing to them and the text 'Xóa sạch 2 dòng này' (Delete these 2 lines). The 'Save' and 'Cancel' buttons are at the bottom of the form.



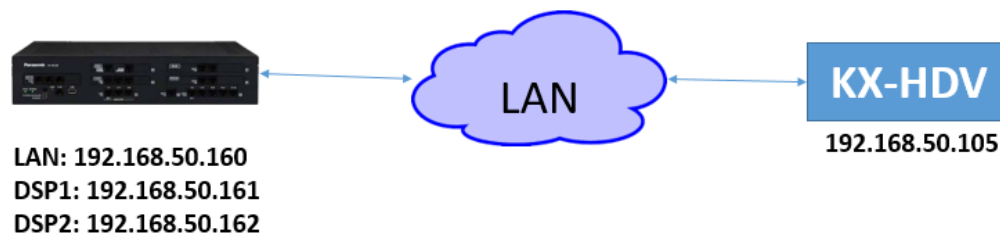
The screenshot shows the web interface for a Panasonic KX-HDV430 device. The browser address bar shows the URL `http://192.168.50.105/?` and the device name `KX-HDV430`. The navigation menu includes `Status`, `Network`, `System`, `VoIP` (highlighted with a red box and the number 1), `Telephone`, and `Maintenance`. The left sidebar contains a `Logout` button, a `Web Port Close` button, and a `VoIP` section with a `SIP Settings` link and a list of lines from `- Line 1` to `- Line 9`. The main content area is titled `SIP Settings` and contains the following sections:

- User Agent**: A text field containing `Panasonic-{MODEL}/{fwver} ({mac})`.
- NAT Identity**: A section with three settings:
  - `Enable Rport (RFC 3581)`: A radio button selection with `Yes` selected (highlighted with a red box and the number 2) and `No` unselected.
  - `Enable Port Punching for SIP`: A text field with `0` and the label `seconds [10-300, 0: Disable]`.
  - `Enable Port Punching for RTP`: A text field with `0` and the label `seconds [10-300, 0: Disable]`.
- At the bottom, there are `Save` and `Cancel` buttons. The `Save` button is highlighted with a red box and the number 3.

Tiếp theo ta cấu hình thông số tùy theo ta đăng ký local hay đăng ký từ ngoài Internet.

**Trường hợp 1:** Ta đăng ký máy nhánh cùng mạng LAN với tổng đài (Local).

## SƠ ĐỒ MẠNG



## Panasonic

KX-HDV430

Status

Network

System

**VoIP**

Telephone

Maintenance

Logout

Web Port Close

### VoIP

#### SIP Settings

- Line 1

- Line 2

- Line 3

- Line 4

- Line 5

- Line 6

- Line 7

- Line 8

- Line 9

- Line 10

- Line 11

- Line 12

- Line 13

- Line 14

- Line 15

- Line 16

### SIP Settings [Line 1]

#### Basic

Phone Number	132 - KoKo
Registrar Server Address	192.168.50.160
Registrar Server Port	5060 [1-65535]
Proxy Server Address	192.168.50.160
Proxy Server Port	5060 [1-65535]
Presence Server Address	192.168.50.160
Presence Server Port	5060 [1-65535]
Outbound Proxy Server Address	192.168.50.160
Outbound Proxy Server Port	5060 [1-65535]
Service Domain	192.168.50.160
Authentication ID	132
Authentication Password	1234

#### Advanced

SIP Packet QoS (DSCP)	56 [0-63]
Enable DNS SRV lookup	<input checked="" type="radio"/> Yes <input type="radio"/> No



Browser address bar: <http://192.168.50.105/> KX-HDV430

### Panasonic

#### KX-HDV430

Logout  
Web Port Close

VoIP

SIP Settings


- Line 1
- Line 2
- Line 3
- Line 4
- Line 5
- Line 6
- Line 7
- Line 8
- Line 9
- Line 10
- Line 11
- Line 12
- Line 13
- Line 14
- Line 15
- Line 16

Status | Network | System | **VoIP** | Telephone | Maintenance

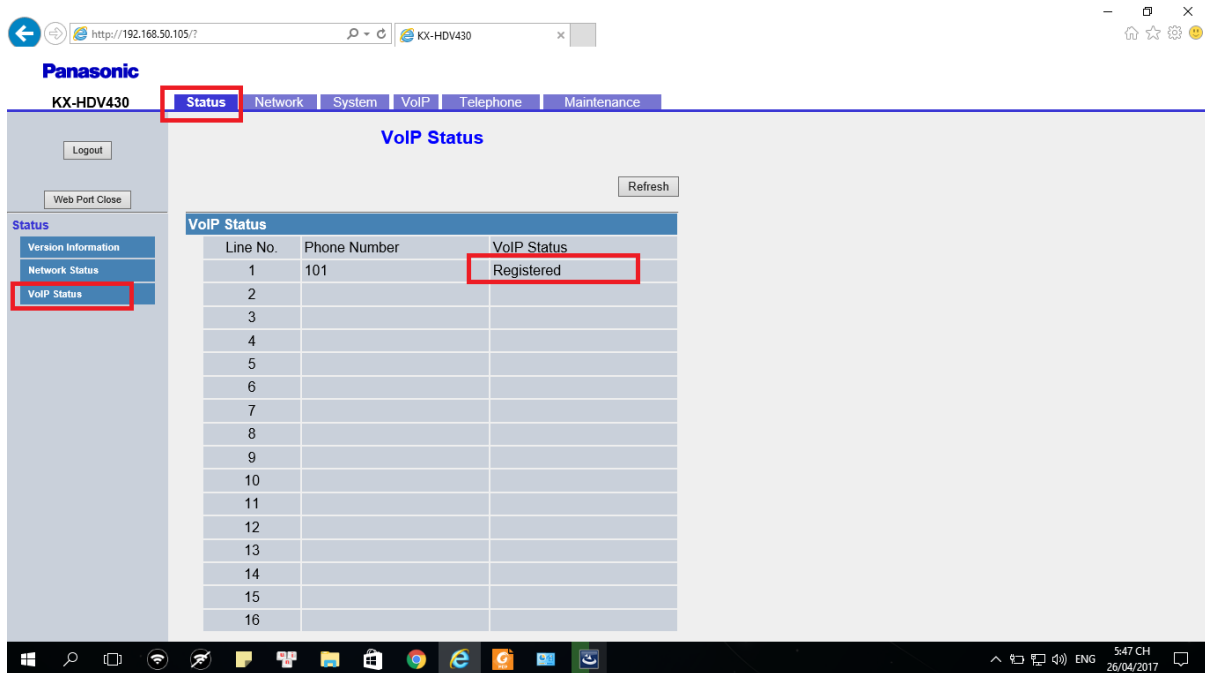
#### Advanced

SIP Packet QoS (DSCP)	56 [0-63]
Enable DNS SRV lookup	<input checked="" type="radio"/> Yes <input type="radio"/> No
SRV lookup Prefix for UDP	<input type="text" value="_sip_udp."/>
SRV lookup Prefix for TCP	<input type="text" value="_sip_tcp."/>
SRV lookup Prefix for TLS	<input type="text" value="_sips_tcp."/>
Local SIP Port	5060 [1024-49151]
SIP URI	<input type="text" value="132"/>
T1 Timer	500 milliseconds
T2 Timer	4 seconds
REGISTER Expires Timer	3600 seconds [1-4294967295]
Enable Session Timer (RFC 4028)	300 seconds [60-65535, 0: Disable]
Session Timer Method	<input checked="" type="radio"/> INVITE <input type="radio"/> UPDATE <input type="radio"/> INVITE/UPDATE
Enable 100rel (RFC 3262)	<input checked="" type="radio"/> Yes <input type="radio"/> No
Enable SSAF (SIP Source Address Filter)	<input type="radio"/> Yes <input checked="" type="radio"/> No
Enable c=0.0.0.0 Hold (RFC 2543)	<input type="radio"/> Yes <input checked="" type="radio"/> No
Transport Protocol	<input checked="" type="radio"/> UDP <input type="radio"/> TCP <input type="radio"/> TLS
TLS Mode	<input checked="" type="radio"/> SIPS <input type="radio"/> SIP-TLS

Save Cancel



Để kiểm tra trạng thái đăng ký:



The screenshot shows the Panasonic KX-HDV430 web interface. The browser address bar shows the URL <http://192.168.50.105/?>. The page title is "Panasonic KX-HDV430". The navigation menu includes "Status", "Network", "System", "VoIP", "Telephone", and "Maintenance". The "Status" menu item is highlighted with a red box. The "VoIP Status" page is displayed, showing a table with the following data:

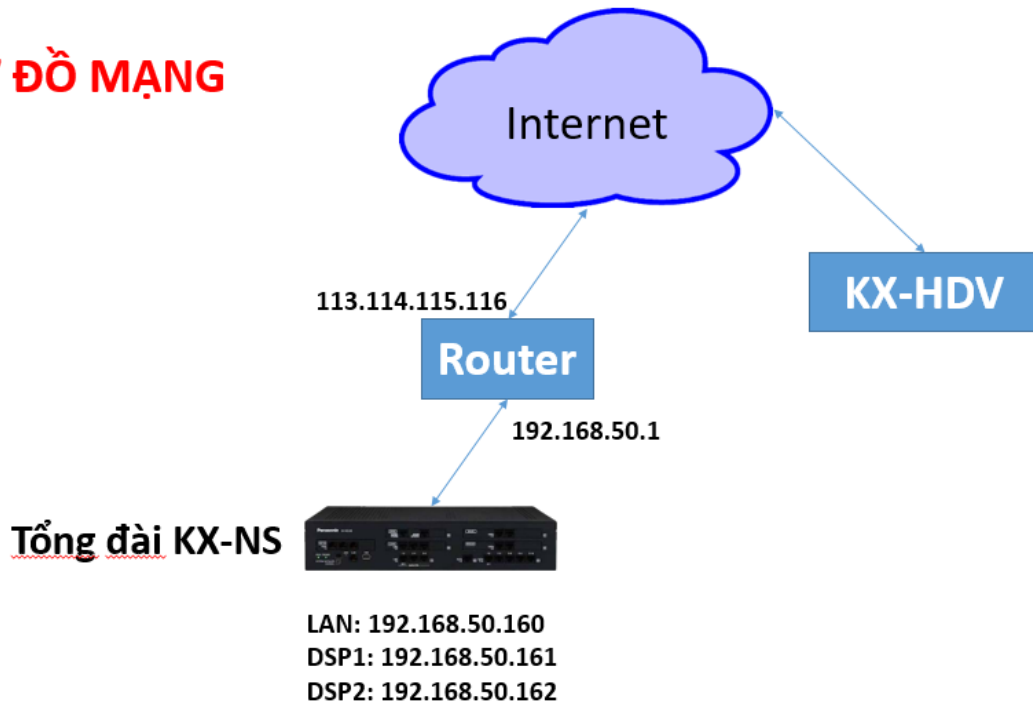
Line No.	Phone Number	VoIP Status
1	101	Registered
2		
3		
4		
5		
6		
7		
8		
9		
10		
11		
12		
13		
14		
15		
16		

The "VoIP Status" menu item in the left sidebar and the "Registered" status in the table are also highlighted with red boxes. The system tray at the bottom right shows the time as 5:47 CH and the date as 26/04/2017.



**Trường hợp 2:** Cấu hình để đăng ký ngoài Internet:

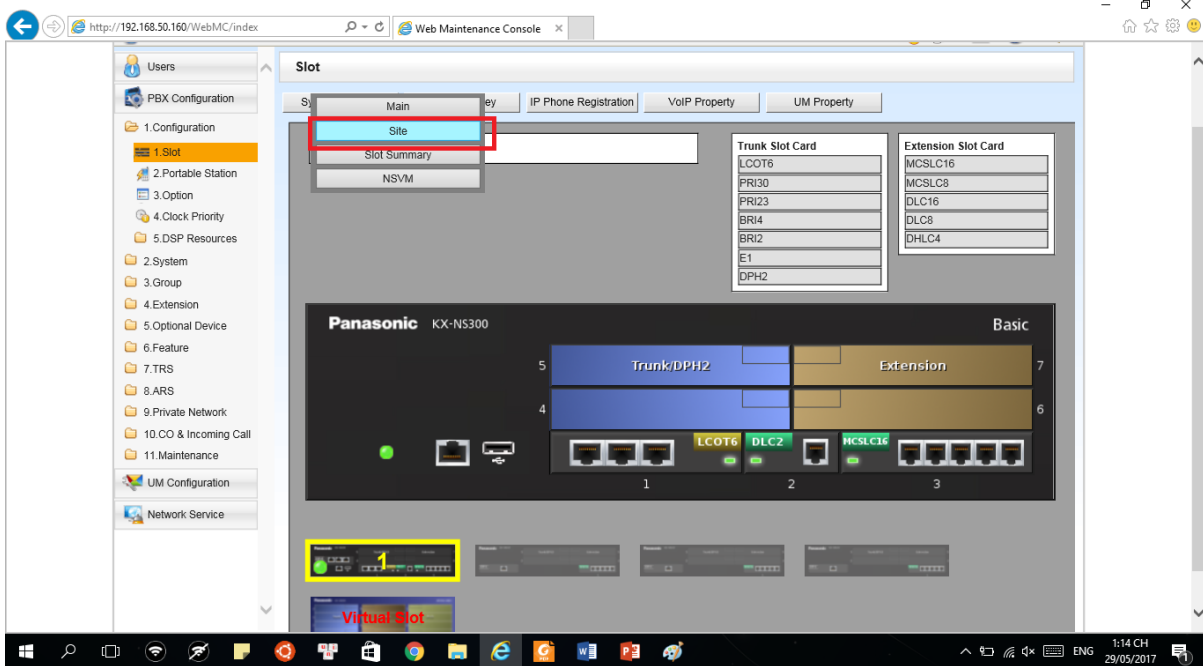
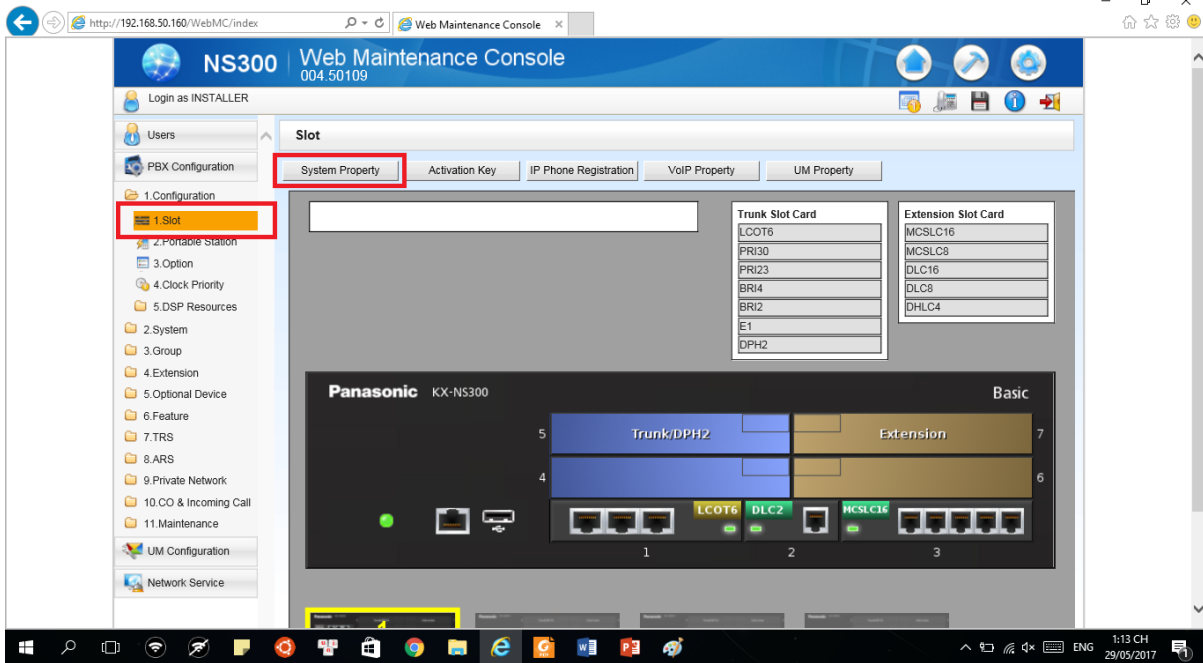
**SƠ ĐỒ MẠNG**

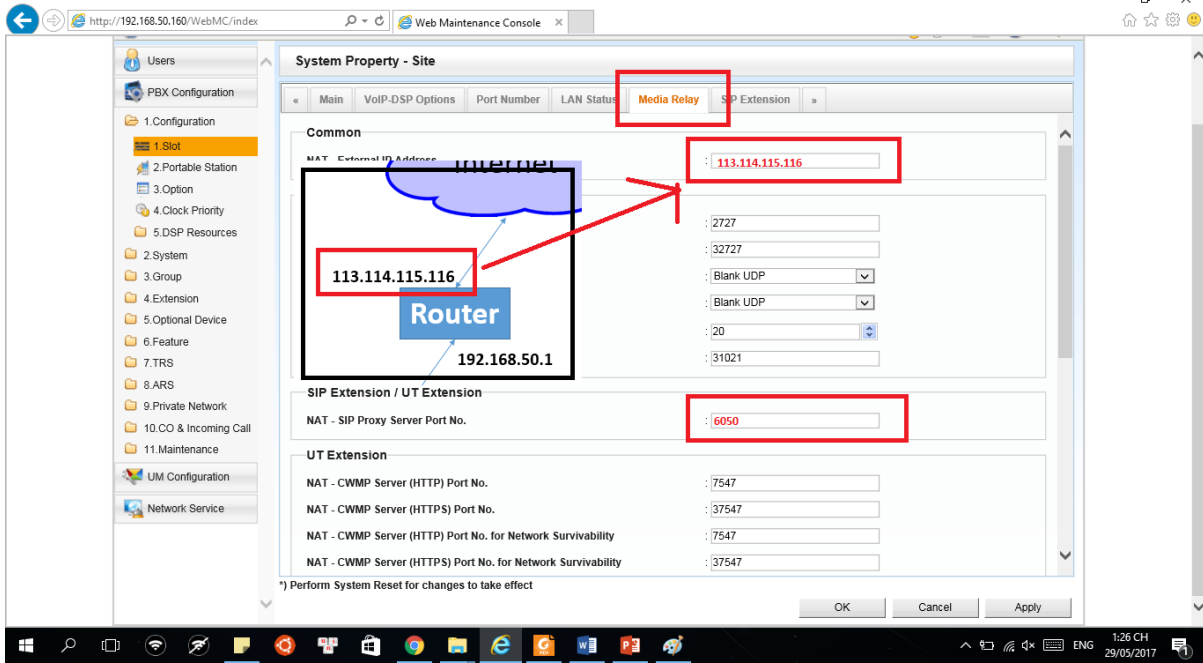


Trước tiên, để đăng ký máy nhánh ngoài ta cần cấu hình 1 số điểm trên tổng đài.

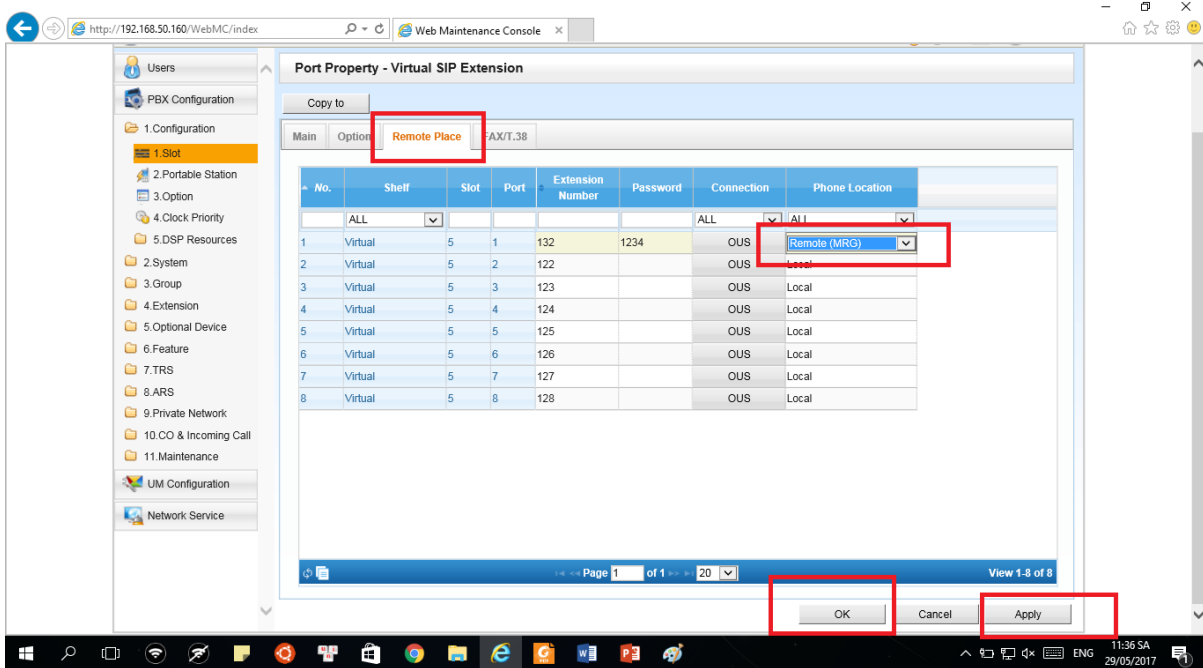
Đảm bảo cấu hình IP của tổng đài có Default Gateway cũng như DNS, địa chỉ card DSP.

Khai báo Media Relay:





Chỉnh các số máy nhánh cần đăng ký ngoài Internet (chế độ remote):



**NAT port trên router:**

**NAT port SIP ra (UDP):**

**Vigor2930 Series Dual-WAN Security Firewall**

**NAT >> Port Redirection**

Index No. 1

- Enable
- Mode: Single
- Service Name: DEMO NS300
- Protocol: **UDP**
- WAN IP: All
- Public Port: 6050
- Private IP: 192.168.50.160
- Private Port: 5060

Note: In "Range" Mode the End IP will be calculated automatically once the Public Port and Start IP have been entered.

OK Clear Cancel

---

**NS300 Web Maintenance Console**

System Property - Site

Port Number

- Voice (RTP) UDP Port No. (Server): 12000
- Voice (RTP) UDP Port No. (IP-PT / SIP-MLT): 8000
- UDP Port No. for SIP Extension Server: **5060**
- CWMP (HTTP) Port No. for SIP-MLT: 7547

Media Relay

SIP Extension / UT Extension

NAT - SIP Proxy Server Port No.: **6050**

**NAT port voice (UDP):**

**Vigor2930 Series Dual-WAN Security Firewall**

**NAT >> Open Ports >> Edit Open Ports**

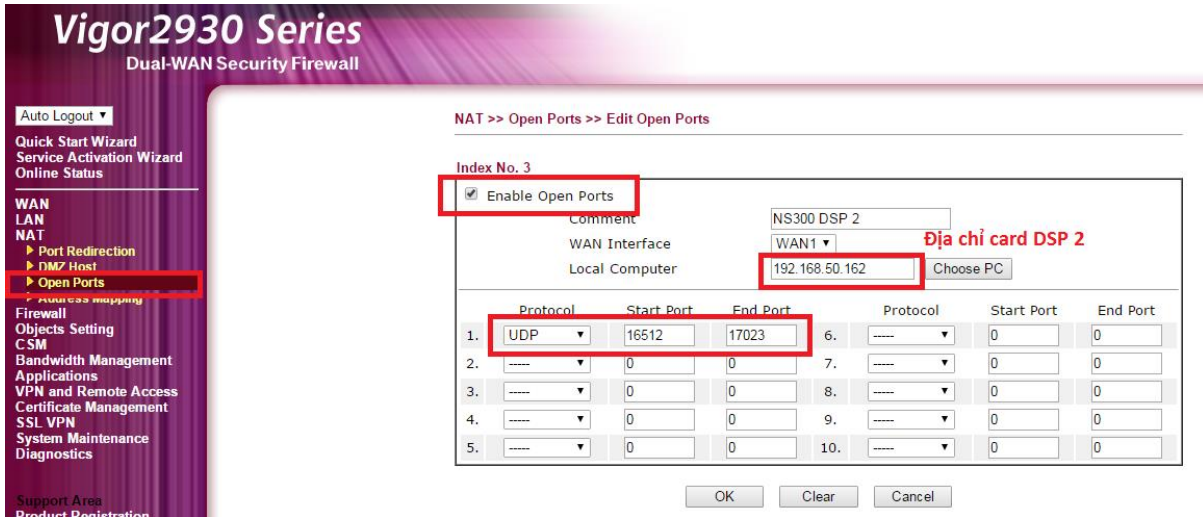
Index No. 3

- Enable Open Ports
- Comment: NS300 DSP 1
- WAN Interface: WAN1
- Local Computer: 192.168.50.161

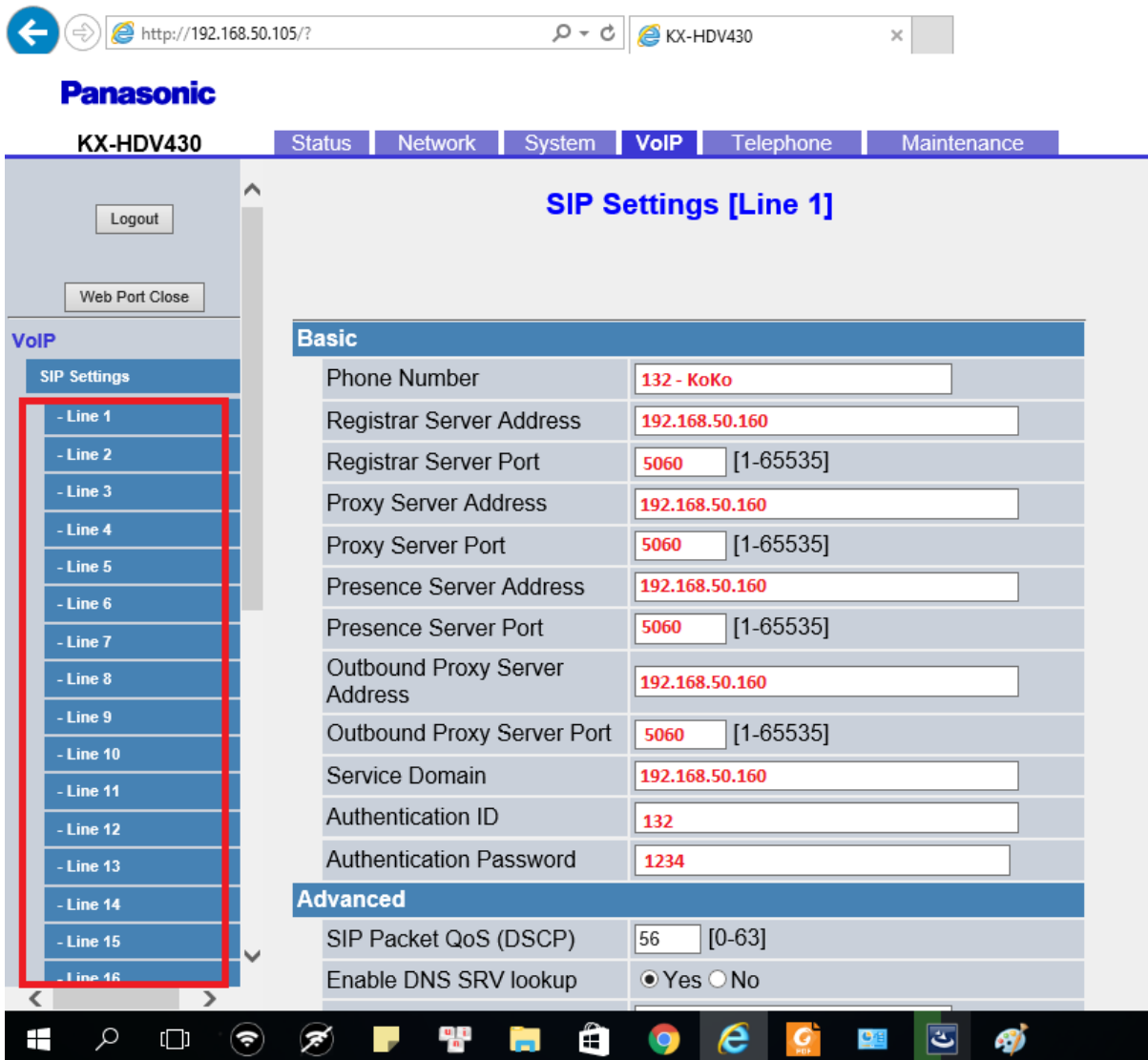
**Địa chỉ Card DSP1**

	Protocol	Start Port	End Port	Protocol	Start Port	End Port
1.	UDP	16000	16511	5.	0	0
2.	----	0	0	7.	0	0
3.	----	0	0	8.	0	0
4.	----	0	0	9.	0	0
5.	----	0	0	10.	0	0

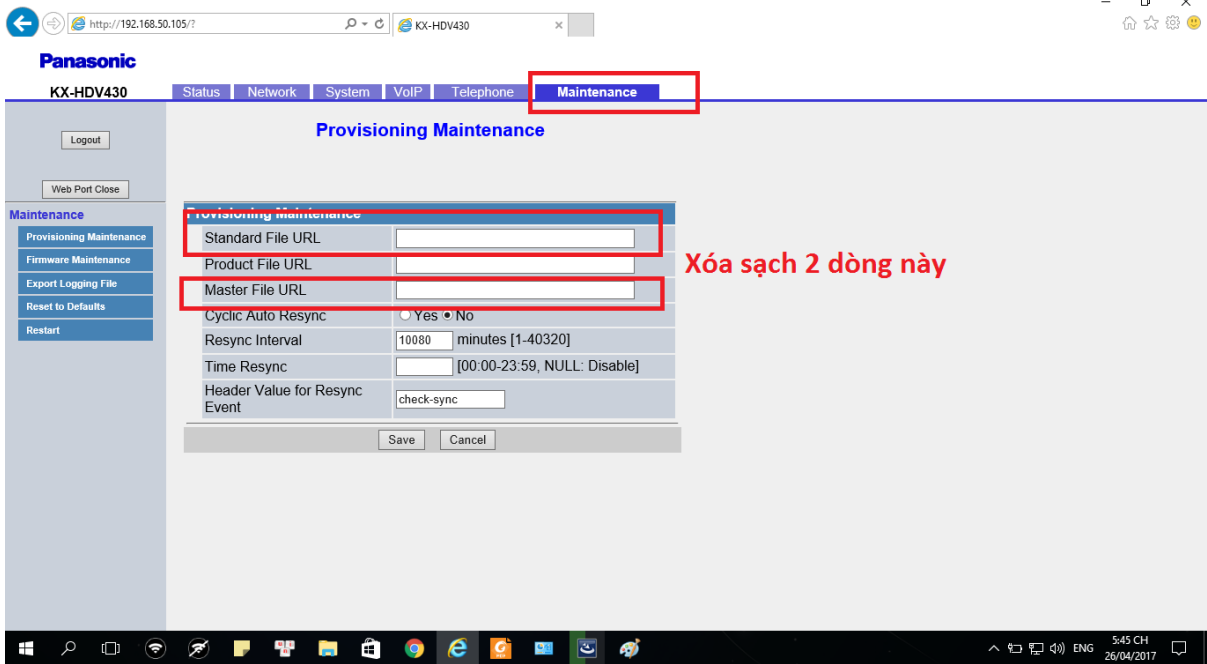
OK Clear Cancel



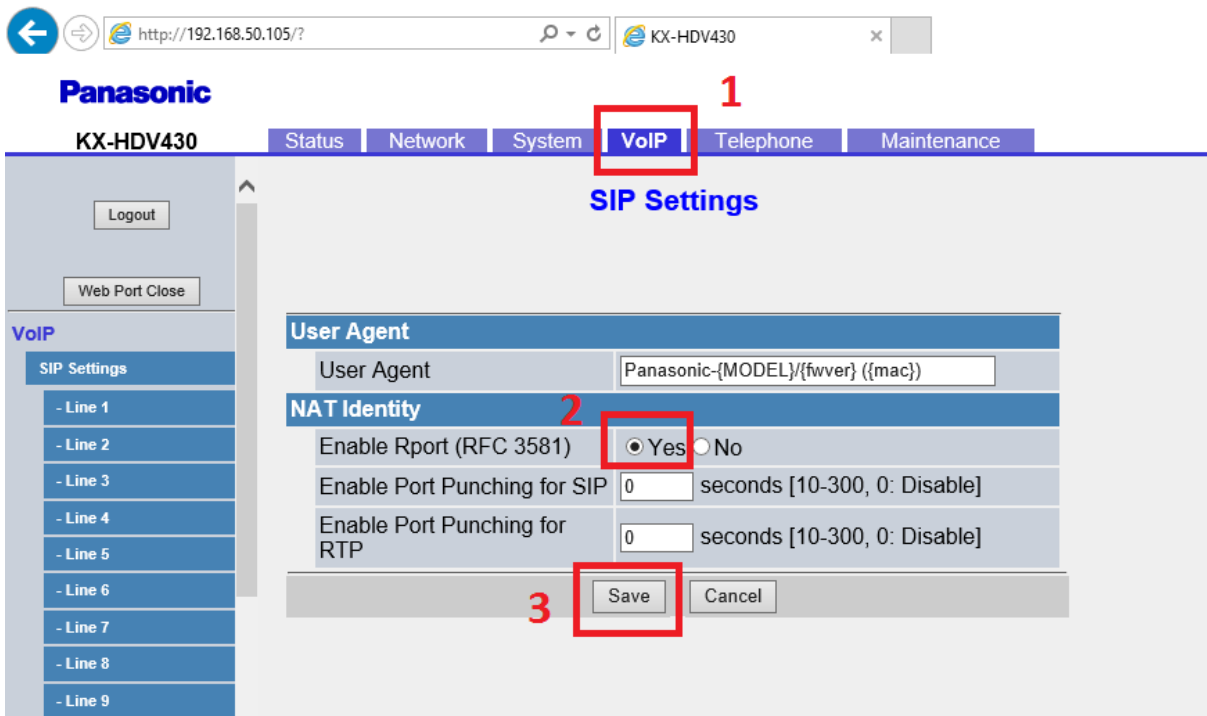
Cấu hình đăng ký máy nhánh trên điện thoại.



Ta cần login vào điện thoại:



The screenshot shows the Panasonic KX-HDV430 web interface. The 'Maintenance' tab is selected and highlighted with a red box. The 'Provisioning Maintenance' section is visible, with three fields (Standard File URL, Product File URL, and Master File URL) highlighted by red boxes. A red text annotation 'Xóa sạch 2 dòng này' (Delete these 2 lines) points to the Product File URL and Master File URL fields. The 'Save' button is also visible at the bottom of the form.



The screenshot shows the Panasonic KX-HDV430 web interface with the 'VoIP' tab selected and highlighted with a red box and the number '1'. The 'SIP Settings' section is visible. The 'User Agent' field contains 'Panasonic-{MODEL}/{fwver} ({mac})'. The 'NAT Identity' section has 'Enable Rport (RFC 3581)' set to 'Yes' (radio button selected), highlighted with a red box and the number '2'. The 'Save' button is highlighted with a red box and the number '3'. The left sidebar shows 'SIP Settings' selected under the 'VoIP' section.

## Panasonic

KX-HDV430

Status

Network

System

**VoIP**

Telephone

Maintenance

Logout

Web Port Close

### VoIP

#### SIP Settings

- Line 1

- Line 2

- Line 3

- Line 4

- Line 5

- Line 6

- Line 7

- Line 8

- Line 9

- Line 10

- Line 11

- Line 12

- Line 13

- Line 14

- Line 15

- Line 16

### SIP Settings [Line 1]

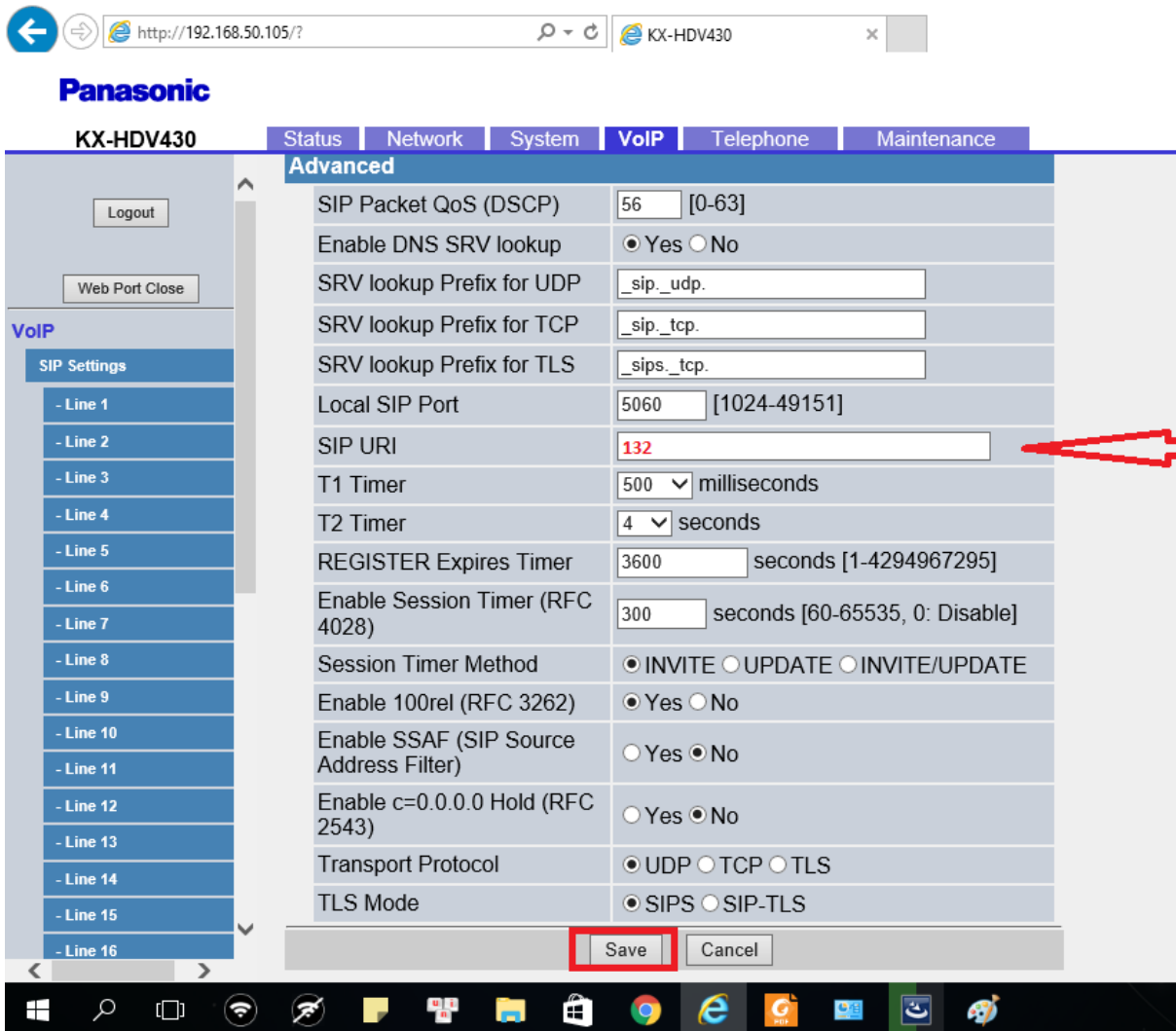
#### Basic

Phone Number	132 - KoKo
Registrar Server Address	113.114.115.116
Registrar Server Port	6050 [1-65535]
Proxy Server Address	113.114.115.116
Proxy Server Port	6050 [1-65535]
Presence Server Address	113.114.115.116
Presence Server Port	6050 [1-65535]
Outbound Proxy Server Address	113.114.115.116
Outbound Proxy Server Port	6050 [1-65535]
Service Domain	192.168.50.160
Authentication ID	132
Authentication Password	1234

#### Advanced

SIP Packet QoS (DSCP)	56 [0-63]
Enable DNS SRV lookup	<input checked="" type="radio"/> Yes <input type="radio"/> No





The screenshot shows the Panasonic KX-HDV430 web interface. The browser address bar shows 'http://192.168.50.105/?' and the page title is 'KX-HDV430'. The navigation tabs include Status, Network, System, VoIP, Telephone, and Maintenance. The 'VoIP' tab is selected, and the 'Advanced' settings page is displayed. The settings include:

SIP Packet QoS (DSCP)	56 [0-63]
Enable DNS SRV lookup	<input checked="" type="radio"/> Yes <input type="radio"/> No
SRV lookup Prefix for UDP	<input type="text" value="_sip_udp."/>
SRV lookup Prefix for TCP	<input type="text" value="_sip_tcp."/>
SRV lookup Prefix for TLS	<input type="text" value="_sips_tcp."/>
Local SIP Port	5060 [1024-49151]
SIP URI	132
T1 Timer	500 milliseconds
T2 Timer	4 seconds
REGISTER Expires Timer	3600 seconds [1-4294967295]
Enable Session Timer (RFC 4028)	300 seconds [60-65535, 0: Disable]
Session Timer Method	<input checked="" type="radio"/> INVITE <input type="radio"/> UPDATE <input type="radio"/> INVITE/UPDATE
Enable 100rel (RFC 3262)	<input checked="" type="radio"/> Yes <input type="radio"/> No
Enable SSAF (SIP Source Address Filter)	<input type="radio"/> Yes <input checked="" type="radio"/> No
Enable c=0.0.0.0 Hold (RFC 2543)	<input type="radio"/> Yes <input checked="" type="radio"/> No
Transport Protocol	<input checked="" type="radio"/> UDP <input type="radio"/> TCP <input type="radio"/> TLS
TLS Mode	<input checked="" type="radio"/> SIPS <input type="radio"/> SIP-TLS

At the bottom of the settings page, there are 'Save' and 'Cancel' buttons. The 'Save' button is highlighted with a red box. A red arrow points to the 'SIP URI' field, which contains the value '132'.

Nhấn Save lại là hoàn thành.

**Cấu hình trên tổng đài KX-NS1000 cũng tương tự.**

Chúc thành công !